

을/를

tiểu từ tân ngữ

Đánh dấu đối tượng chịu tác động của hành động. Dạng dùng chỉ phụ thuộc vào việc danh từ có kết thúc bằng phụ âm hay không — nhưng động từ nào trong tiếng Hàn cần tân ngữ thì không phải lúc nào cũng khớp với tiếng Việt.

Cách kết hợp

| Loại danh từ                      | Dạng              | Ví dụ                    |
|-----------------------------------|-------------------|--------------------------|
| Kết thúc bằng phụ âm (có patchim) | 을                 | 밥을                       |
| Kết thúc bằng nguyên âm           | 를                 | 커피를                      |
| Được thay bằng 은/는                | không dùng cả hai | 김치는 — không phải 김치를는    |
| Được thay bằng 도                  | không dùng cả hai | 커피도 — không phải 커피를도    |
| Dạng rút gọn trong văn nói        | 저를 → 저            | 나를 → 나, 그것을 → 그걸         |
| Lời nói thân mật                  | thường bị lược bỏ | 밥 먹었어? — lược bỏ tiểu từ |

Khi nào dùng

을/를 đánh dấu tân ngữ trực tiếp — thứ được ăn, đọc, mua, xem. Trong câu 밥을 먹어요, cơm là thứ được ăn, và tiểu từ chính là dấu hiệu cho biết điều đó.

Nó cũng đánh dấu lộ trình hoặc tuyến đường đi qua với các động từ chuyển động, ở chỗ tiếng Việt thường dùng giới từ hay từ chỉ hướng: 길을 건너요 (băng qua đường), 공원을 걸어요 (đi bộ qua công viên). Nó cũng đi với 타다: 버스를 타요, dù tiếng Việt nói “lên xe buýt.”

Cái bẫy ngược lại còn quan trọng hơn. Một số động từ tiếng Hàn khi dịch sang tiếng Việt thì có tân ngữ nhưng lại hoàn toàn không dùng 을/를 — và một vài động từ dịch ra là nội động từ lại dùng. Cách đáng tin cậy duy nhất là học tiểu từ như một phần của động từ, chứ không suy luận từ tiếng Việt.

Ví dụ trong câu

- 1 매일 한국 드라마를 봐요.  
Ngày nào tôi cũng xem phim truyền hình Hàn Quốc.
- 2 저는 김치를 좋아해요.  
Tôi thích kimchi.
- 3 내일 친구를 만나요.  
Ngày mai tôi gặp bạn.
- 4 여기에서 버스를 타세요.  
Hãy bắt xe buýt ở đây.
- 5 동생이 노래를 잘해요.  
Em tôi hát hay.
- 6 점심을 아직 안 먹었어요.  
Tôi vẫn chưa ăn trưa.

So sánh với

**좋아하다 vs 좋다**  
Cả hai đều dịch là “thích”, nhưng dùng với tiểu từ khác nhau. 좋아하다 là động từ và nhận tân ngữ với 을/를. 좋다 là tính từ nghĩa là “tốt, thích”, nên danh từ đi kèm dùng 이/가. Sự phân biệt này cũng áp dụng cho 싫어하다 / 싫다 và 무서워하다 / 무섭다.  
  
저는 커피를 좋아해요. / 저는 커피가 좋아요.

**타다 vs 내리다**  
Lên xe dùng 을/를; xuống xe dùng 에서. Tiếng Việt nói “lên xe” và “xuống xe” theo cùng một kiểu, vì vậy nên ghi nhớ cặp này cùng nhau.  
  
버스를 타요. / 버스에서 내려요.

**은/는 với tân ngữ**  
Thay 을/를 bằng 은/는 thì danh từ vẫn là tân ngữ nhưng thêm ý đối chiếu. Dùng khi bạn muốn nói “ít nhất là cái đó”; tránh dùng cho câu trần thuật thông thường.  
  
김치를 먹어요. (Tôi ăn kimchi) / 김치는 먹어요. (kimchi thì tôi có ăn — những thứ khác thì không mấy)

Lưu ý

- ✗ 저는 한국어가 좋아해요.

○ 저는 한국어를 좋아해요.

좋아하다 cần tân ngữ. 이/가 đi với 좋다, là tính từ. Đây là lỗi tiểu từ phổ biến nhất ở người mới học, và nó còn tồn tại rất lâu sau cấp 1.
- ✗ 지하철을 내렸어요.

○ 지하철에서 내렸어요.

내리다 dùng 에서, không dùng 을/를 — dù cặp của nó là 타다 lại dùng 을/를. Hãy học tiểu từ cùng với động từ thay vì đoán từ tiếng Việt.
- ✗ 커피를 마셔요.

○ 커피를 마세요.

Chọn theo chữ cuối của danh từ. 커피 kết thúc bằng nguyên âm, nên dùng 를.